TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2021/HNGĐ - ST
Ngày 15 - 12 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Bà Võ Thị Thu Thảo.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Quang Dương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị T, sinh năm 1987; Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: 6xxC, tổ y, ấp TD, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1989; Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: aa, ấp CN, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Cao Thị T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Hữu P chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Bà và ông P sống chung với nhau và kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng bà sống hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn, ông P ham chơi, không quan tâm đến vợ con. Bà T đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông P không thay đổi, thậm chí ông P còn vướng vào vòng lao lý của pháp luật, phải đi tù. Do không thể chịu đựng được nữa nên năm 2016 Bà T đã chuyển về nhà cha mẹ ruột của bà ở cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, Bà T cũng không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân thêm nữa nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Phú.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông P có 01 người con là Nguyễn Hữu K, sinh ngày dd/mm/20yy. Hiện con đang sống cùng bà T, bà yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Hữu P trình bày:

Về hôn nhân: Ông P và Bà T chung sống với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Việc chung sống với nhau là do ông bà hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ông sinh sống tại ấp CN, xã A, cuộc sống vợ chồng bình thường. Ngày 08/6/2021 thì ông bị bắt tạm giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Trước đây thì ông cũng có hành vi phạm tội và đã bị xử phạt tù, ông mới chấp hành xong về địa phương sinh sống thì ông lại tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật. Nay Bà T yêu cầu được ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông P và Bà T có 01 con chung tên Nguyễn Hữu K, sinh ngày dd/mm/20yy. Hiện con đang sống cùng bà T, ông đồng ý để bà T trực tiếp nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên toà, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, căn cứ vào bản tự khai của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai bị đơn, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà T, ông P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bị đơn không đủ điều kiện chăm lo cho gia đình và đồng ý ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX giao con chung Nguyễn Hữu K, sinh ngày dd/mm/20yy cho bà T nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Cao Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu P, yêu cầu được nuôi con chung. Bị đơn ông P hiện cư trú tại ấp CN, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Bà T và bị đơn ông P đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ

vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Cao Thị T và bị đơn ông Nguyễn Hữu P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 3x/2011, quyển số 01/2011 ngày aa/bb/2011, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Bà T và ông P đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình được. Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Cao Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu P.

[3] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà T và ông P, trích lục khai sinh số 286/TLKS-BS ngày 30/5/2016 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Nguyễn Hữu K, sinh ngày dd/mm/20yy. Hiện cháu Khang đang sống cùng với nguyên đơn và có nguyện vọng ở cùng với nguyên đơn. Nguyên đơn Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bị đơn ông P đồng ý để Bà T trực tiếp nuôi con chung. Xem xét ý kiến của bà Thu, ông Phú, ý kiến của con chung đủ 7 tuổi trở lên, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Hữu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bị đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của nguyên đơn. Về nghĩa vụ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên sau khi ly hôn là trách nhiệm của cha mẹ theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông P đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn đối với bị đơn.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu P về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

2. Về hôn nhân: Bà Cao Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu P.

3. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hữu K, sinh ngày dd/mm/20yy cho bà Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hữu P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Cao Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0043935 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Ông Nguyễn Hữu P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Chang